TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2023
"Vv Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sinh
Bà Đỗ Thị Xanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc:*"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Hoàng Minh S, sinh năm 1973; địa chỉ: số nhà 18, tổ 3, khu T, phường Đ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* chị Trần Minh H, sinh năm 1974; nơi ĐKHK: số nhà 18 tổ 3, khu T, phường Đ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; hện đang sinh sống tại Đài Loan, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Hoàng Minh S trình bày:* Tôi và chị Trần Minh H đăng kí kết hôn năm 1995, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện ĐT, tỉnh Quảng Ninh nhưng do bị mất giấy tờ nên ngày 13/4/2007, làm lại thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện ĐT(nay là Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã ĐT), tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn. Tháng 10/2022, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, không được sự đồng ý của tôi nên vợ chồng hầu như không thông tin, liên lạc gì với nhau nữa. Đến nay tôi không còn tình cảm với chị H nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Tôi yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho tôi được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống. Tôi đã liên lạc với chị H

qua điện thoại, bảo chị H về nước làm thủ tục ly hôn, nhưng chị H nói không về được; tôi xin địa chỉ của chị H tại Đài Loan nhưng chị H không cung cấp.

- Về con chung: tôi và chị Trần Minh H có một con chung là Hoàng Minh T, sinh ngày 25/4/2003. Con đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Công văn số: 11521/QLXNC-P5 ngày 18/5/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của chị Trần Minh H như sau: Trần Minh H, sinh ngày 21/3/1974, CMND số 100731091, đã xuất cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 02/10/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

*Tại Biên bản xác minh ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân thị xã ĐT: anh Trần Xuân Đ (là anh trai của chị H); địa chỉ: khu V, phường M, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh cho biết: anh Đ không biết việc chị H đi Đài Loan, chị H cũng không liên lạc với anh Đ và anh Đ cũng không liên lạc được cho chị H. Anh Đ cũng không biết việc anh Hoàng Minh S xin ly hôn chị H, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đề nghị anh Đ thông báo cho chị H biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết yêu cầu xin ly hôn của anh S đối với chị H, anh Đ không thực hiện được vì không biết chị H đang ở đâu.

* Tại đơn trình bày của cháu Hoàng Minh T (là con chung của anh S và chị H); địa chỉ: số nhà 18, tổ 3, khu T, phường Đ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, thể hiện: vào cuối năm 2022, mẹ cháu đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến nay chưa về. Mẹ có liên lạc với cháu qua điện thoại, có hỏi thăm cháu nhưng không nói địa chỉ cụ thể của mẹ tại Đài Loan cho cháu biết. Nay bố cháu yêu cầu Tòa án giải quyết cho bố và mẹ ly hôn, cháu tôn trọng quyết định của bố. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, cháu sẽ thông báo cho mẹ biết khi mẹ gọi điện thoại về.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:**

- Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án, đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Minh S như nêu trên. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S đối với chị H; con chung của anh S và chị H là Hoàng Minh T, sinh ngày 25/4/2003, đã thành niên và có đầy đủ năng

lực hành vi dân sự. Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không đề cập.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: *"Ly hôn"*; bị đơn chị Trần Minh H, hiện đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Nguyên đơn anh Hoàng Minh S vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn chị Trần Minh H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ cho người thân trong gia đình, niêm yết các văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương. Căn cứ Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; hướng dẫn tại Công văn số: 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và công bố các tài liệu, chứng cứ do Tòa án xác minh, thu thập.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Hoàng Minh S và chị Trần Minh H đăng ký kết hôn năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, do mất giấy tờ đăng ký kết hôn nên đăng ký lại vào ngày 13/4/2007, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện ĐT, (nay phường Đ, thị xã ĐT) tỉnh Quảng Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh S và chị H chung sống hạnh phúc tại số nhà 18, tổ 3, khu T, phường Đ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh. Đến năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; từ tháng 10/2022 đến nay, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan không được sự đồng ý của anh S, vợ chồng hầu như không liên lạc, không quan tâm gì với nhau nữa. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy: anh S và chị H không còn tồn tại đời sống chung, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần, không còn cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh S đối với chị H.

[2.2] Về con chung: anh Hoàng Minh S và chị Trần Minh H có một con chung là Hoàng Minh T, sinh ngày 25/4/2003, đã thành niên. Anh S trình bày con chung

có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho con nên không đề cập.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: anh Hoàng Minh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Hoàng Minh S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56 và khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Minh S.

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Hoàng Minh S được ly hôn với chị Trần Minh H.

[2] Về con chung: anh Hoàng Minh S và chị Trần Minh H có một con chung là Hoàng Minh T, sinh ngày 25/4/2003, đã thành niên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: anh Hoàng Minh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: anh Hoàng Minh S phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0016218 ngày 05/5/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho: anh Hoàng Minh S biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật; chị Trần Minh H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Đ, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thúy Hằng